



BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 02 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

- + **Bữa sáng:** Nui sao nấu tôm
- + **Bữa trưa:**
 - Món mặn: Xáo bò bánh mì bơ mặn
 - Món canh:
 - Món xào: Dưa leo
 - Phụ trưa: Tàu hủ cô vang
- + **Bữa chiều:**
 - Ăn xế: Soup hải sản khoai tây cà rốt

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	3,800,000	98	282	3,857,100	(57,100)
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	9,880,000	98	282	9,822,900	57,100
Tổng tiền chợ:	13,680,000			13,680,000	-
Tổng số học sinh đi học:	380				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	14.67				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	6.67				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	8.00				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				3,857,100	
1	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	0.50	82,000	41,000	
2	Đường phèn	kg	0.60	38,000	22,800	
3	Hành tỏi	kg	0.50	60,000	30,000	
4	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	0.50	43,000	21,500	
5	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
6	Nui sao Safoco 500gr (18 gói/thùng)	Gói	13.00	37,000	481,000	
7	Mắm Nam Ngư Đệ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
8	Tôm loại 1	kg	14.06	230,000	3,233,800	
II	Ăn chính + phụ				9,822,900	
1	Bánh mì ổ lớn Quốc Doanh	Ổ	180.00	4,500	810,000	
2	Bánh mì gối Quốc Doanh	Khúc	16.00	16,000	256,000	
3	Bắp hạt tươi	kg	7.00	65,000	455,000	
4	Bột năng Vĩnh Thuận 400gr (5 gói/xách, 20 gói/bao)	Gói	5.00	19,000	95,000	
5	Cà rốt Hà Nội sơ chế	kg	3.00	32,000	96,000	
6	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	2.50	82,000	205,000	
7	Dầu mè đen Tường An 250ml (12 chai/thùng)	Chai	1.00	70,000	70,000	
8	Dầu Olive 250ml	chai	1.00	145,000	145,000	

9	Dầu Tường An gấc VIO 250ml(12chai/thùng)	Chai	1.00	50,000	50,000	
10	Dưa leo	kg	7.00	30,000	210,000	
11	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
12	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	1.00	39,000	39,000	
13	Viên bún bò (12 hộp/lôc, 144 hộp/thùng)	Viên	8.00	7,000	56,000	
14	Hành lá	kg	0.28	50,000	14,000	
15	Hành tây	kg	2.00	25,000	50,000	
16	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
17	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.50	43,000	64,500	
18	Khoai tây Hà nội sơ chế	kg	3.00	32,000	96,000	
19	Ruốc Chì Trà 100gr/ hũ	Hũ	2.00	9,000	18,000	
20	Mực ống vừa	kg	3.40	260,000	884,000	
21	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
22	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	2.00	4,000	8,000	
23	Ngò gai	kg	0.20	60,000	12,000	
24	Sả	kg	4.00	24,000	96,000	
25	Tàu hũ CoVang nhỏ 70gr	Hộp	381.00	5,900	2,247,900	
26	Thịt bò đùi	kg	9.60	270,000	2,592,000	
27	Tiêu xay rỗng tây nguyên (tiêu thường)(500gr/gói)	kg	0.05	180,000	9,000	
28	Tôm loại 1	kg	3.20	230,000	736,000	
29	Xương sườn bò	kg	4.90	95,000	465,500	
TỔNG CỘNG					13,680,000	

Bằng chữ: Mười ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng./.